

Số: 2881 /QĐ-ĐHNL-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Xét cảnh báo học vụ sinh viên thuộc Khoa Công nghệ hóa học thực phẩm
vào học kỳ II năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, v/v ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 08/08/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh v/v ban hành “Quy chế học vụ áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 2500/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 18/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh v/v ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ biên bản cuộc họp về việc “Xử lý kết quả học tập học kỳ II năm học 2020-2021” ngày 02/08/2022;

Theo đề nghị của Trưởng Khoa Công nghệ hóa học thực phẩm và Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo học vụ lần 1, lần 2 đối với **102 (một trăm lẻ hai)** sinh viên, buộc thôi học đối với **17 (mười bảy)** sinh viên do vi phạm quy chế học vụ thuộc **Khoa Công nghệ hóa học thực phẩm**.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách buộc thôi học sẽ bị xóa tên từ học kỳ II năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Công nghệ hóa học thực phẩm, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HC, ĐT.



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ HÓA HỌC THỰC PHẨM
BỊ CẢNH BÁO HỌC TẬP VÀO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2881

/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 16 tháng 8 năm 2022)

TT	MSSV	Họ và tên	Mã lớp	Tín chỉ tích lũy	Điểm TBTL hệ 4	Lần cảnh báo	Lý do
1	13139006	Nguyễn Bảo Ân	DH13HH	120	2.34	1	Không ĐKMH
2	13125129	Lê Thị Hào	DH13TPA	124	2.19	1	Không ĐKMH
3	13125166	Trương Đăng Hòa	DH13TPA	148	2.57	1	Không ĐKMH
4	13125362	Tiên Ngọc Quỳnh	DH13TPA	139	2.83	1	Không ĐKMH
5	13125817	Phạm Công Danh	DH13TPA	137	2.44	1	Không ĐKMH
6	13125903	Nguyễn Tấn Triều	DH13TPA	140	2.49	1	Không ĐKMH
7	13125945	Nguyễn Tấn Danh	DH13TPA	148	2.55	1	Không ĐKMH
8	13125836	Lê Hoàng Hiệp	DH13TPB	139	2.56	1	Không ĐKMH
9	13125938	Nguyễn Tấn Thiện	DH13TPB	138	2.76	1	Không ĐKMH
10	14125340	Nguyễn Thị Lệ Quyên	DH14BQ	120	2.29	1	Không ĐKMH
11	14125547	Trần Thị Ngọc Lan	DH14BQGL	114	1.89	1	Không ĐKMH
12	14125548	Phan Thanh Lợi	DH14BQGL	135	2.13	1	Không ĐKMH
13	14125619	Chu Phi Hùng	DH14BQGL	135	2.22	1	Không ĐKMH
14	14125620	Đoàn Thị Hoài Hương	DH14BQGL	119	2.13	1	Không ĐKMH
15	14125624	Trương Thị Lan	DH14BQGL	133	2.47	1	Không ĐKMH
16	14125638	Phạm Thị Yến Nhi	DH14BQGL	135	2.13	1	Không ĐKMH
17	14125642	Đoàn Thanh Phong	DH14BQGL	134	2.50	1	Không ĐKMH
18	14125652	Nguyễn Thị Như Thoại	DH14BQGL	115	2.02	1	Không ĐKMH
19	14125656	Trần Thị Thanh Tình	DH14BQGL	135	2.35	1	Không ĐKMH
20	14125762	Nguyễn Xuân Nhựt	DH14BQGL	128	2.08	1	Không ĐKMH
21	14125673	Phan Hải Đăng	DH14BQNT	128	2.38	1	Không ĐKMH
22	14125676	Võ Thị Mỹ Hạnh	DH14BQNT	125	2.78	1	Không ĐKMH
23	14125012	Lê Thị Ánh	DH14DD	135	2.85	1	Không ĐKMH
24	14139079	Cao Kim Khánh	DH14HS	111	1.92	1	Không ĐKMH
25	14139001	Bùi Thị Xuân An	DH14HT	134	2.67	1	Không ĐKMH
26	14139115	Dương Thụy Thùy My	DH14HT	126	2.56	1	Không ĐKMH
27	14139250	Lê Thành Long	DH14HT	106	2.30	1	Không ĐKMH
28	13125899	Nguyễn Thanh Tông	DH14TP	137	2.62	1	Không ĐKMH
29	14132263	Châu Ngọc Nguyên Vũ	DH14TP	138	2.49	1	Không ĐKMH
30	14155068	Phạm Hoàng Huân	DH14TP	130	2.25	1	Không ĐKMH
31	15125041	Nguyễn Hoàng Duy	DH15BQ	126	2.18	1	Không ĐKMH
32	15125057	Lê Thị Thúy Hằng	DH15BQ	133	2.43	1	Không ĐKMH
33	15125098	Võ Hoàng Duy Liêm	DH15BQ	129	2.50	1	Không ĐKMH
34	15125401	H" Bì La Niê	DH15BQ	130	1.92	1	Không ĐKMH
35	15125900	Lê Quang Vinh	DH15BQ	135	2.42	1	Không ĐKMH



Handwritten signature

TT	MSSV	Họ và tên		Mã lớp	Tín chỉ tích lũy	Điểm TBTL hệ 4	Lần cảnh báo	Lý do
36	15125302	Văn Thị Mỹ	Linh	DH15BQGL	132	2.42	1	Không ĐKMH
37	15125309	Nguyễn Thị Thu	Thắm	DH15BQGL	134	2.34	1	Không ĐKMH
38	15125310	Trần Thị Thu	Thảo	DH15BQGL	134	2.43	1	Không ĐKMH
39	15125318	Nguyễn Thị	Yến	DH15BQGL	134	2.32	1	Không ĐKMH
40	15125422	Đỗ Trọng	Nghĩa	DH15BQGL	134	2.82	1	Không ĐKMH
41	15125424	Rơ Mah	Phoen	DH15BQGL	134	2.33	1	Không ĐKMH
42	15125433	Trương Thị Minh	Trình	DH15BQGL	134	2.33	1	Không ĐKMH
43	15125321	Đặng Duy	Thường	DH15BQNT	131	2.38	1	Không ĐKMH
44	15125074	Võ Thị	Hồng	DH15DD	125	2.77	1	Không ĐKMH
45	15125191	Nguyễn Ngọc	Son	DH15DD	133	2.24	1	Không ĐKMH
46	15139106	Trần	Sang	DH15HD	119	2.04	1	Không ĐKMH
47	15139094	Nguyễn Văn	Phi	DH15HS	131	2.16	1	Không ĐKMH
48	15139149	Đặng Hoàng	Vương	DH15HS	134	2.51	1	Không ĐKMH
49	15114211	Lê Thị Thanh	Xuân	DH15TP	139	2.95	1	Không ĐKMH
50	15125357	Dương Thị Quỳnh	Mai	DH15TP	144	2.62	1	Không ĐKMH
51	15125359	Bùi Phương	Nam	DH15TP	142	2.37	1	Không ĐKMH
52	15125385	Hoàng Cao Khánh	Uyên	DH15TP	118	2.78	1	Không ĐKMH
53	15162053	Huỳnh Lê Nhật	Vi	DH15TP	125	2.28	1	Không ĐKMH
54	16125493	Phạm Thị Lệ	Thủy	DH16BQ	133	2.42	1	Không ĐKMH
55	16125499	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	DH16BQ	121	2.26	1	Không ĐKMH
56	16125592	H Phúc Long	Dung	DH16BQ	119	2.53	1	Không ĐKMH
57	16139235	Trần Thị Cẩm	Tú	DH16HD	130	3.12	1	Không ĐKMH
58	16125043	Phạm Bảo	Ngọc	DH16TP	144	3.17	1	Không ĐKMH
59	16125045	Võ Nguyễn Thảo	Nguyên	DH16TP	140	2.85	1	Không ĐKMH
60	16125062	Huỳnh Hữu	Trí	DH16TP	140	3.31	1	Không ĐKMH
61	16125100	Nguyễn Kim	Bảo	DH16TP	138	3.09	1	Không ĐKMH
62	16125529	Vũ Thị Huyền	Trang	DH16TP	144	2.99	1	Không ĐKMH
63	16125433	Nguyễn Thanh	Tâm	DH16VT	131	2.95	1	Không ĐKMH
64	16125446	Hoàng Uyên	Thao	DH16VT	132	2.53	1	Không ĐKMH
65	16125447	Lê Thị Mai	Thảo	DH16VT	113	2.03	1	Không ĐKMH
66	16125448	Lê Thị Phương	Thảo	DH16VT	134	2.41	1	Không ĐKMH
67	17125098	Nguyễn Hữu	Hoàng	DH17BQ	133	2.36	1	Không ĐKMH
68	17125199	Lê Thị Quỳnh	Như	DH17BQ	132	3.12	1	Không ĐKMH
69	17125493	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	DH17BQ	126	3.08	1	Không ĐKMH
70	17125020	Võ Thị	Bình	DH17VT	133	3.01	1	Không ĐKMH
71	17125070	Nguyễn Quỳnh	Hân	DH17VT	116	2.53	1	Không ĐKMH
72	17125322	Phan Thị Thanh	Trang	DH17VT	134	2.69	1	Không ĐKMH
73	17125355	Nguyễn Thị Tường	Vi	DH17VT	128	2.67	1	Không ĐKMH
74	18125349	Võ Hoài	Thư	DH18BQ	93	2.65	1	Không ĐKMH
75	18125263	Vương Thị Thu	Oanh	DH18DD	76	1.72	1	Không ĐKMH
76	18139135	Trần Thị Thiên	Nhi	DH18HS	45	1.84	1	Không ĐKMH
77	18139040	Nguyễn Ngọc	Giàu	DH18HT	60	1.42	1	Không ĐKMH
78	19125024	Phan Lê Anh	Bảo	DH19BQ	30	1.23	1	Không ĐKMH
79	19125341	Trương Thị Thanh	Thảo	DH19BQ	42	1.64	1	Không ĐKMH

NG
ÔNG L
HIMIN

Uthua

TT	MSSV	Họ và tên		Mã lớp	Tín chỉ tích lũy	Điểm TBTL hệ 4	Lần cảnh báo	Lý do
80	19125458	Phan Hoàng Thảo	Vy	DH19DD	25	0.80	1	Điểm TBTL thấp
81	19139032	Huỳnh Gia	Hân	DH19HH	41	1.50	1	Không ĐKMH
82	19139194	Phạm Duy	Tú	DH19HH	32	1.53	1	Không ĐKMH
83	19125088	Lê Võ Thanh	Hằng	DH19VT	47	1.58	1	Không ĐKMH
84	19125434	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DH19VT	50	1.40	1	Không ĐKMH
85	20125322	Trương Nguyễn Huệ	Anh	DH20BQ	2	0.06	1	Điểm TBTL thấp
86	20125374	Trương Đặng Thế	Duy	DH20BQ	1	0.12	1	Không ĐKMH
87	20125807	Phan Đình	Vị	DH20BQ	11	1.32	1	Không ĐKMH
88	20125819	Phan Thị Tường	Vy	DH20BQ	0		1	Không ĐKMH
89	20125679	Lý Ngọc	Thanh	DH20CT	4	2.10	1	Không ĐKMH
90	20125102	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DH20DD	23	2.03	1	Không ĐKMH
91	20125328	Trần Dương Gia	Bảo	DH20DD	0	0.00	1	Điểm TBTL thấp
92	20125345	Nguyễn Minh	Cường	DH20DD	13	0.79	1	Điểm TBTL thấp
93	20139339	Đặng Diệu	Thúy	DH20HH	18	1.58	1	Không ĐKMH
94	20125812	Lê Huỳnh Tường	Vy	DH20HT	10	1.85	1	Không ĐKMH
95	20139095	Trần Tiến	Phát	DH20HT	22	1.55	1	Không ĐKMH
96	20139309	Đào Đức Thúy	Quỳnh	DH20HT	20	1.91	1	Không ĐKMH
97	20125179	Võ Thị Bạch	Yến	DH20VT	0	0.00	1	Không ĐKMH
98	20125466	Trần Ninh	Kiều	DH20VT	3	0.19	1	Điểm TBTL thấp
99	20125473	Huỳnh Thị Kim	Liên	DH20VT	0	0.00	1	Không ĐKMH
100	20125521	Nguyễn Cao	Minh	DH20VT	0	0.00	1	Không ĐKMH
101	20125530	Nguyễn Trần Diễm	My	DH20VT	22	2.74	1	Không ĐKMH
102	19139158	Mai Thị Kim	Thu	DH19HH	35	0.80	2	Điểm TBTL thấp

Danh sách gồm 102 sinh viên.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ HÓA HỌC THỰC PHẨM
BỊ BUỘC THÔI HỌC VÀO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2881

/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 16 tháng 8 năm 2022)

STT	MSSV	Họ và tên	Mã lớp	Tín chỉ tích lũy	Điểm TBTL hệ 4	Lý do
1	19139014	Vũ Minh Cường	DH19HH	21	0.58	Bị CBHT quá 2 lần liên tiếp
2	13125323	Trần Đình Nguyên	DH13BQ	139	2.86	Hết TGDĐT tối đa
3	13125744	Trần Minh Phụng	DH13BQGL	128	2.36	Hết TGDĐT tối đa
4	13125922	Hồ Quốc Khánh	DH13BQGL	138	2.68	Hết TGDĐT tối đa
5	13125924	Nguyễn Thị Thùy Linh	DH13BQGL	128	2.39	Hết TGDĐT tối đa
6	13125101	Nguyễn Vũ Đức	DH13DD	126	2.66	Hết TGDĐT tối đa
7	13125110	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	DH13DD	122	2.49	Hết TGDĐT tối đa
8	13125216	Nguyễn Ngọc Khôi	DH13DD	117	2.62	Hết TGDĐT tối đa
9	13125629	Dương Thị Hồng Tươi	DH13DD	122	2.47	Hết TGDĐT tối đa
10	13139024	Đỗ Đăng Dương	DH13HH	114	1.90	Hết TGDĐT tối đa
11	13139030	Trần Bảo Đăng	DH13HH	129	2.68	Hết TGDĐT tối đa
12	13139058	Võ Thiên Hưng	DH13HH	132	2.10	Hết TGDĐT tối đa
13	13139114	Trần Lê Minh Nhật	DH13HH	128	2.31	Hết TGDĐT tối đa
14	13139130	Tạ Thị Phúc	DH13HH	140	2.75	Hết TGDĐT tối đa
15	13139168	Đỗ Trần Hữu Thông	DH13HH	130	3.15	Hết TGDĐT tối đa
16	13139200	Nguyễn Hoàng Trung	DH13HH	127	2.14	Hết TGDĐT tối đa
17	13139214	Cao Thanh Tùng	DH13HH	128	2.64	Hết TGDĐT tối đa

Danh sách gồm 17 sinh viên. 2


Q. HIỆU TRƯỞNG Ưng
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng